

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 05/TT-NH5

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 1995

THÔNG TƯ
CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

***Hướng dẫn thực hiện việc đặt văn
phòng đại diện của Tổ chức tín dụng Việt Nam ở nước ngoài***

Thi hành Điều 2 Nghị định số 09/CP ngày 21-01-1995 của Chính phủ bổ sung Quy chế đặt Văn phòng Đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 40/CP ngày 19-05-1994; sau khi đã trao đổi ý kiến với Bộ Thương mại, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cụ thể về một số điểm trong quy chế áp dụng đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam như sau:

1. Về đối tượng mở văn phòng đại diện:

Các tổ chức tín dụng được xem xét cho phép đặt Văn phòng Đại diện ở nước ngoài, bao gồm:

- 1.1. Ngân hàng thương mại quốc doanh;
- 1.2. Ngân hàng thương mại cổ phần;
- 1.3. Ngân hàng liên doanh;
- 1.4. Công ty tài chính.

2. Về điều kiện để được cấp giấy phép đặt Văn phòng Đại diện ở nước ngoài:

Các tổ chức tín dụng Việt Nam (gọi tắt là các tổ chức tín dụng) nói tại Điểm 1 Thông tư này muốn được cấp giấy phép đặt Văn phòng Đại diện ở nước ngoài phải có đủ các điều kiện sau:

- 2.1. Đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép hoạt động và có thời gian hoạt động ít nhất là 02 năm, kể từ ngày khai trương hoạt động.
- 2.2. Có nhu cầu đặt Văn phòng đại diện để tiếp thị, tìm kiếm thị trường, thông tin, giới thiệu, quảng cáo với khách hàng về hoạt động kinh doanh của mình.
- 2.3. Đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép hoạt động kinh doanh đối ngoại.

2.4. Có tình hình tài chính lành mạnh, kết quả kinh doanh năm trước và tại thời điểm xin đặt Văn phòng Đại diện có lãi.

3. Về việc xin đặt Văn phòng Đại diện chung cho nhiều tổ chức tín dụng:

3.1. Các tổ chức tín dụng có đủ điều kiện nêu tại Điểm 2 trên có thể thoả thuận để cùng đặt chung một Văn phòng Đại diện ở nước ngoài.

3.2. Việc xin đặt Văn phòng Đại diện ở nước ngoài sẽ do một tổ chức tín dụng làm thủ tục và đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp giấy phép theo quy định.

3.3. Các tổ chức tín dụng tự thoả thuận về kinh phí, tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đại diện chung.

4. Về nhân sự của Văn phòng Đại diện:

4.1. Văn phòng Đại diện của tổ chức tín dụng Việt Nam ở nước ngoài là đơn vị trực thuộc của tổ chức tín dụng, gồm có người phụ trách (Trưởng Văn phòng Đại diện) và các nhân viên làm việc tại Văn phòng Đại diện.

4.1.1. Trưởng Văn phòng Đại diện phải thuộc biên chế của tổ chức tín dụng trong nước.

4.1.2. Văn phòng Đại diện có thể thuê nhân viên là người nước ngoài, hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo những điều kiện do hai bên thoả thuận phù hợp với Pháp luật Việt Nam và Pháp luật nước tiếp nhận;

4.2. Các tổ chức tín dụng Việt Nam không được thuê viên chức, nhân viên cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài làm việc hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Đại diện tổ chức tín dụng ở nước ngoài.

4.3. Văn phòng Đại diện, người phụ trách và các nhân viên của Văn phòng Đại diện phải tuân thủ Pháp luật Việt Nam, tôn trọng Pháp luật, phong tục tập quán của nước tiếp nhận, Pháp luật và tập quán quốc tế.

4.4. Người phụ trách và các nhân viên của Văn phòng Đại diện chịu sự quản lý hành chính Nhà nước và sự chỉ đạo chính trị, đối ngoại của cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại nước tiếp nhận; đồng thời chịu sự quản lý nhân sự và chỉ đạo nghiệp vụ chuyên môn của Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng trong nước.

5. Về trách nhiệm và quyền hạn của Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng có Văn phòng Đại diện ở nước ngoài:

5.1. Quản lý, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Văn phòng Đại diện ở nước ngoài;

5.2. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và triệu hồi người phụ trách Văn phòng Đại diện; chịu trách nhiệm về việc tuyển dụng, cho thôi việc đối với nhân viên Văn phòng Đại diện ở nước ngoài;

5.3. Trực tiếp chỉ đạo nghiệp vụ chuyên môn của Văn phòng Đại diện tổ chức tín dụng ở nước ngoài.

6. Về hồ sơ và thủ tục xin cấp giấy phép đặt Văn phòng Đại diện ở nước ngoài:

6.1. Hồ sơ xin cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài (gọi tắt là giấy phép) gồm:

6.1.1. Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc đặt Văn phòng Đại diện của tổ chức tín dụng ở nước ngoài, tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng xin đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài. Tờ trình phải ghi rõ lý do, tên gọi, nhiệm vụ, địa điểm Văn phòng Đại diện, khả năng quan hệ với nước ngoài để có thể mở Văn phòng Đại diện.

6.1.2. Quyết định của Tổng Giám đốc (Giám đốc) bổ nhiệm Trưởng Văn phòng Đại diện. Trường hợp Tổng Giám đốc kiêm nhiệm chức danh Trưởng Văn phòng Đại diện theo quy định tại điểm 4.1.3 trên đây thì phải có Nghị quyết Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng chấp thuận.

6.1.3. Lý lịch tóm tắt, văn bằng học lực của Trưởng Văn phòng Đại diện.

6.1.4. Bản sao giấy phép thành lập, giấy phép hoạt động, giấy phép đăng ký kinh doanh.

6.2. Thủ tục:

6.2.1. Tổ chức tín dụng Việt Nam muốn đặt Văn phòng Đại diện ở nước ngoài phải gửi đầy đủ 03 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm 6.1 của Thông tư này lên Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (thông qua chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính). Đối với Ngân hàng thương mại quốc doanh, Ngân hàng liên doanh thì gửi hồ sơ thẳng Ngân hàng Nhà nước Trung ương.

Trường hợp đặt Văn phòng Đại diện chung cho nhiều tổ chức tín dụng, thì phải kèm theo hồ sơ của các tổ chức tín dụng thành viên.